

BẢNG KÊ THANH TOÁN

Ngày 19 tháng 08 năm 2022

Số chứng từ: 4836

TÊN ĐƠN VỊ THANH TOÁN 254000000439 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN hóa đơn / PNK phát sinh tháng trước vào ngày 20

NGÀY ĐẾN HẠN CHUYỂN TIỀN 19/08/2022

CÔNG NỢ CÓ ĐỊNH 0

TRỊ GIÁ BÁN HÀNG 63.596.802

TRỊ GIÁ TÒN TẠI NGÀY 19/08/2022 35.659.103

SỐ TIỀN CHƯA THANH TOÁN 0

CÔNG NỢ TẠI NGÀY 19/08/2022 62.840.770

ĐỊNH MỨC TÒN 0

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			
1	04/07/2022	00022101	1.403.845	112.308	1.516.153	05/07/2022	400001132207001321	1.403.845	112.308	1.516.153
2	04/07/2022	00022104	2.365.222	189.218	2.554.440	05/07/2022	400001132207001324	2.365.422	189.233	2.554.655
3	12/07/2022	00024295	2.941.742	235.339	3.177.081	13/07/2022	400001132207001326	2.942.042	235.364	3.177.406
4	14/07/2022	00024795	1.680.250	134.420	1.814.670	15/07/2022	400001132207001329	1.680.250	134.420	1.814.670
5	18/07/2022	00026011	2.676.596	214.128	2.890.724	19/07/2022	400001132207001332	2.676.595	214.128	2.890.723
6	21/07/2022	00026169	1.341.088	107.287	1.448.375	25/07/2022	400001132207002693	1.341.088	107.287	1.448.375
7	25/07/2022	00027319	3.146.509	251.721	3.398.230	29/07/2022	400001132207004763	3.146.510	251.721	3.398.231
8	04/06/2022	00016299	1.456.522	116.523	1.573.045	04/06/2022	262001332206000035	1.456.522	116.523	1.573.045
9	01/07/2022	00021921	1.124.969	89.998	1.214.967	04/07/2022	209001332207000012	1.124.969	89.998	1.214.967
10	01/07/2022	00021941	761.478	60.918	822.396	04/07/2022	306001332207000019	761.478	60.919	822.397
11	01/07/2022	00021944	1.055.050	84.404	1.139.454	04/07/2022	220001332207000034	1.055.050	84.404	1.139.454
12	01/07/2022	00021917	1.312.083	104.967	1.417.050	05/07/2022	301001332207000184	1.312.083	104.966	1.417.049
13	04/07/2022	00022265	1.107.990	88.639	1.196.629	06/07/2022	253001332207000005	1.107.990	88.640	1.196.630
14	06/07/2022	00023392	1.434.159	114.733	1.548.892	08/07/2022	270001332207000143	1.434.159	114.733	1.548.892
15	06/07/2022	00023391	846.579	67.726	914.305	08/07/2022	203001332207000152	846.579	67.727	914.306
16	08/07/2022	00023939	674.078	53.926	728.004	09/07/2022	263001332207000012	674.078	53.927	728.005
17	09/07/2022	00024106	1.476.486	118.119	1.594.605	09/07/2022	278001332207000043	1.476.486	118.120	1.594.606
18	07/07/2022	00023619	1.050.105	84.008	1.134.113	09/07/2022	204001332207000125	1.050.105	84.009	1.134.114
19	06/07/2022	00023375	889.044	71.124	960.168	09/07/2022	009001332207000201	889.044	71.124	960.168
20	08/07/2022	00023718	2.110.100	168.808	2.278.908	11/07/2022	014001332207000112	2.110.100	168.808	2.278.908
21	09/07/2022	00024175	968.234	77.459	1.045.693	12/07/2022	225001332207000071	968.234	77.460	1.045.694
22	08/07/2022	00023857	852.766	68.221	920.987	12/07/2022	303001332207000370	852.766	68.222	920.988
23	08/07/2022	00023719	1.394.389	111.551	1.505.940	12/07/2022	003001332207000582	1.394.389	111.551	1.505.940
24	11/07/2022	00024236	4.636.755	370.940	5.007.695	13/07/2022	006001332207000173	4.636.755	370.940	5.007.695
25	11/07/2022	00024237	1.378.760	110.301	1.489.061	14/07/2022	235001332207000133	1.378.760	110.301	1.489.061
26	11/07/2022	00024235	1.753.265	140.261	1.893.526	14/07/2022	276001332207000350	1.753.265	140.261	1.893.526
27	12/07/2022	00024298	1.705.960	136.477	1.842.437	15/07/2022	256001332207000088	1.705.960	136.477	1.842.437
28	14/07/2022	00024719	1.210.005	96.800	1.306.805	15/07/2022	268001332207000235	1.210.005	96.801	1.306.806
29	01/07/2022	00021918	1.555.438	124.435	1.679.873	17/07/2022	272001332207000296	1.555.438	124.435	1.679.873

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			
30	18/07/2022	00026012	2.070.769	165.662	2.236.431	19/07/2022	269001332207000425	2.070.768	165.662	2.236.430
31	18/07/2022	00026003	6.308.607	504.689	6.813.296	20/07/2022	010001332207000437	6.308.610	504.688	6.813.298
32	20/07/2022	00026138	939.701	75.176	1.014.877	22/07/2022	235001332207000217	939.699	75.176	1.014.875
33	19/07/2022	00026033	2.313.163	185.053	2.498.216	22/07/2022	005001332207000882	2.313.162	185.053	2.498.215
34	04/06/2022	00016299	264.075	21.125	285.200	26/07/2022	262001332207000199	264.075	21.126	285.201
35	25/07/2022	00027318	1.316.864	105.349	1.422.213	27/07/2022	301001332207000936	1.316.864	105.349	1.422.213
36	22/07/2022	00026853	668.812	53.505	722.317	29/07/2022	203001332207000634	668.811	53.505	722.316

I - CỘNG NHẬP

60.191.458 4.815.318 65.006.776

60.191.956 4.815.366 65.007.322

1						01/07/2022	005001152207000001	193.780	15.502	209.282
2						01/07/2022	263001152207000001	69.759	5.581	75.340
3						01/07/2022	272001152207000002	124.376	9.950	134.326
4						01/07/2022	306001152207000002	47.673	3.814	51.487
5						01/07/2022	272001142207000002	47.673	4.767	52.440
6						03/07/2022	265001142207000001	190.692	15.255	205.947
7						06/07/2022	203001152207000010	143.019	11.442	154.461
8						07/07/2022	204001152207000003	188.903	15.112	204.015
9						13/07/2022	225001152207000008	371.803	29.744	401.547
10						13/07/2022	205001152207000025	113.113	9.049	122.162
11						16/07/2022	014001152207000045	105.505	8.440	113.945
12						18/07/2022	003001152207000043	52.815	4.225	57.040
13						20/07/2022	253001152207000014	105.505	8.440	113.945
14						21/07/2022	263001152207000012	202.395	16.191	218.586
15						29/07/2022	206001152207000027	47.673	3.814	51.487

II - CỘNG XUẤT TRẢ

2.004.684 161.326 2.166.010

III - CỘNG TIỀN THANH TOÁN (III = I - II)

58.186.774 4.653.992 62.840.766

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			

2.Thường doanh số có điều kiện (FUJI)

Tổng DS										15.555.252
TL										2,00
Doanh số T7/22 Fuji										311.105

4.Thường thanh toán đúng hạn (FUJI)

Tổng DS										15.555.252
TL										1,50
CKTT T7/22 Fuji										233.329

18.Hỗ trợ trung bày (FUJI)

Tổng DS										16.799.672
TL										1,00
Trung bày T7/22 Fuji										167.997

11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết (FUJI)

Tổng DS										16.799.672
TL										1,00
thẻ KHTT T7/21 Fuji										167.997

23.Thường doanh số không điều kiện

Tổng DS										42.631.522
TL										2,00
DS T7/22 brg										852.630

4.Thường thanh toán đúng hạn

Tổng DS										42.631.522
TL										1,50
CKTT T7/22 brg										639.473

18.Hỗ trợ trung bày

Tổng DS										46.042.044
TL										1,00
Trung bày T7/22 brg										460.420

11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết

Tổng DS										46.042.044
TL										1,00
Thẻ KHTT T7/22 brg										460.420

IV - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

3.293.371

V - TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (V = III - IV)

59.547.395

Bằng chữ: Năm mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng chẵn

Ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG TCKT
KẾ TOÁN NH KẾ TOÁN TT

KIỂM SOÁT TT

TRƯỞNG BP KSTT

KTT

BAN TGD

**Nguyễn Thị Tú
Quyên**